

Bản án số: 139/2026/DS - ST

Ngày: 21/5/2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựu.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị B Vân.

2. Ông Mai Văn Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2025/TLST - DS ngày 27/02/2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2026/QĐST - DS ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Kim A, sinh năm 1957;

Căn cước công dân số: 08315700****, cấp ngày 27/3/2022;

Địa chỉ: 39C ấp 2, xã B, tỉnh V;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm: 1973.
Căn cước công dân số 08307300**** cấp ngày 25/4/2021.

Địa chỉ: ấp An Hòa, xã B, tỉnh V.

*** Bị đơn:** 1. Bà Trần Ngọc B, sinh năm 1981 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim N- Kim C; (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Căn cước công dân số: 083181016***, cấp ngày 26/8/2022;

2. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Số 59 Trần Hưng Đạo, ấp 2, xã B, tỉnh V

Căn cước công dân số: 083079011****, cấp ngày 15/02/2023

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2026 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bà A là ông Nguyễn Tấn Đức trình bày như sau:*

Trước đây bà A cùng Doanh nghiệp tư nhân Kim N – Kim C (do bà Trần Ngọc B chủ Doanh nghiệp) là xóm giềng nên Doanh nghiệp có huy động tiền vốn để kinh doanh mua bán vàng. Do đó bà A đã gửi cho bà B số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) vào ngày 13/5/2023 với lãi suất 0,9%/tháng. Phía bị đơn có đóng lãi được thời gian thì không đóng nữa; do bà A có nhu cầu lấy lại tiền nên bà B đã trả được 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) vào ngày 05/6/2024. Hiện tại còn nợ lại số tiền 400.000.000 đồng. Từ đó đến nay bà B không trả cho bà A số tiền trên nữa.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Ngọc B chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim N – Kim C và chồng là ông Nguyễn Tấn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn bà Trần Ngọc B trình bày:**

Trước đây bà làm chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim N- Kim C, khi đó cần vốn để phát triển thêm nên bà có huy động vốn từ những người có tiền nhàn rỗi với lãi suất 0,9%/tháng trong đó có bà Huỳnh Kim A. Khi đó bà A gửi bà số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); Do sau này làm ăn thua lỗ mất khả năng thanh toán nên bà không thể trả lãi và vốn cho bà A theo thỏa thuận được. Bà đã trả cho bà A số tiền 100.000.000 đồng; hiện tại bà còn nợ bà A số tiền 400.000.000 đồng; bà đồng ý trả số tiền 400.000.000 đồng cho bà A; số tiền trên một mình bà sẽ trả, bà xin trả dần 03 tháng sẽ trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ông Nguyễn Tấn P trình bày: Trước đây ông và bà B là vợ chồng nhưng làm ăn riêng, việc ai nấy làm; khoản nợ bà A là bà B ký thì để bà B giải quyết với bà A, ông yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông không trình bày gì thêm. Hiện tại ông và bà Trần Ngọc B đã ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Trần Ngọc B và ông Nguyễn Tấn P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông P.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà A khởi kiện yêu cầu bà B và ông P có địa chỉ ở xã Ba Tri, trả số tiền 400.000.000đ. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội về thẩm quyền của Tòa khu

vực xác định đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà A yêu cầu bà B – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim N – Kim C có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền vay gốc 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu của bà A là “*Biên nhận tiền có đóng dấu của Doanh nghiệp tư nhân Kim N – Kim C*” Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên nhận ngày 13/5/2023 có nội dung: Huỳnh Thị Kim A (thị trấn) gửi 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Người nhận Trần Ngọc B và đóng dấu Doanh nghiệp tư nhân Kim N - Kim C; theo biên nhận này bị đơn bà B cũng thừa nhận bà có nhận của bà Huỳnh Kim A (Theo giấy nhận nợ là Huỳnh Thị Kim A) số tiền 500.000.000 đồng và đã trả được 100.000.000 đồng và hiện tại còn nợ lại 400.000.000 đồng; Lời thừa nhận này của bà B phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ những nhận định trên có cơ sở xác nhận bà B chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim N- Kim C có nợ của bà Huỳnh Kim A số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Do bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả vốn và lãi nên bà A khởi kiện là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim A về việc buộc ông Nguyễn Tấn P phải có trách nhiệm liên đới cùng bà B trả nợ Hội đồng xét xử xét thấy: khi giao dịch giữa bà A và bà B thì bà B ký xác nhận nợ với danh nghĩa Doanh nghiệp tư nhân và tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn căn cứ vào xác nhận nợ có đóng dấu của Doanh nghiệp để khởi kiện. Theo quy định pháp luật thì Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động doanh nghiệp. Do đó không có cơ sở để buộc ông Nguyễn Tấn P liên đới cùng bà Trần Ngọc B trả nợ.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Kim A không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Ngọc B phải chịu án phí số tiền: 400.000.000 đồng x 5% = 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo quy định Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 273, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim A đối với bà Trần Ngọc B và ông Nguyễn Tấn P.

2. Buộc bà Trần Ngọc B (Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim N – Kim C) phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Kim A số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Kim A về việc buộc ông Nguyễn Tấn P phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Trần Ngọc B trả nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch Bà Trần Ngọc B phải chịu 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Huỳnh Kim A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Trần Ngọc B và ông Nguyễn Tấn P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử P thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (phòng GĐKT, TT&THA);
- VKSND Khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(đã ký)

Nguyễn Thị Lựu